TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 110/2022/HSST

Ngày 29-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Bé

Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2021/TLST-HS ngày 23/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HS ngày 31/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/HSST-QĐ ngày 18/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 117/TB-TA ngày 03/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh T, sinh ngày 12/01/1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 157/21A Đường 14 tháng 9, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Tổ 1, Ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tam giam trong vụ án khác ngày 12/02/2020; bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Văn P, sinh ngày 02/7/1999 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở: Tổ 1, Ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị T (không rõ họ tên cha); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tam giam trong vụ án khác ngày 12/02/2020; bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Lương Minh Phương T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 97/7, Khu phố N, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 84 Đường Đ, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 01/12/2019, bị cáo Nguyễn Minh T rủ bị cáo Nguyễn Văn P đi cướp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài, bị cáo P đồng ý. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/12/2019, bị cáo T đang điều khiển xe gắn máy biển số 64B2-300.81 chở bị cáo P trên Quốc lộ 22 thuộc ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì cả hai phát hiện chị Lương Minh Phương T điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59G2-655.15 trên đường đi làm về, đang đi phía trước. Bị cáo T điều khiển xe ép đầu xe của chị T từ bên trái làm chị T bị ngã xuống đường. Sau đó, các bị cáo T và P dừng xe cách xe chị T khoảng 4 - 5m, bị cáo P đến dựng xe chị T dậy và dắt đi. Chị T giữ phía đuôi xe, hai bên giằng co thì bị cáo P lấy trong người ra một con dao Thái Lan hướng về phía chị T. Chị T sợ nên buông tay ra, bị cáo P lên xe của chị T tăng ga chạy thoát. Khi về tới phòng trọ tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Chinh, bị cáo T mở cốp xe phát hiện trong xe có số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Căn cước công dân mang tên Lương Minh Phương T. Sau đó, bị cáo T thông qua trang Web Chợ Tốt đăng bán chiếc xe trên cho một người đàn ông chưa rõ lai lịch được số tiền 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Bị cáo T chia cho bị cáo P 10.000.000 (mười triệu) đồng, số tiền còn lại bị cáo T tiêu xài hết.

Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo T và P đã thực hiện nhiều vụ án, bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo T và P đã khai nhận hành vi như trên. Công an Thành phố Hồ Chí Minh thông báo đến chị T để hợp tác điều tra. Chị T đến Công an xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 302 ngày 24/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: Tài sản bị thiệt hại có giá trị 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) Giấy phép lái xe mang tên Lương Minh Phương T (đã trả cho chủ sở hữu).

Phần dân sự: Chị T yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các giấy tờ, thẻ ATM bị cướp.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Với nội dung nêu trên, Cáo trạng số 111/CT-VKS ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn P về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Đối với người đàn ông chưa rõ lai lịch mua chiếc xe của chị T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố đã đưa ra chứng cứ để buộc tội các bị cáo Nguyễn Minh T và

Nguyễn Văn P về tội "Cướp tài sản". Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 206/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với cả hai bị cáo.

Các bị cáo T, P khai nhận hành vi như cáo trạng truy tố, không bào chữa và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi; của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn P tại phiên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 01/12/2019, tại Quốc lộ 22 thuộc ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo T và P đã dùng dao Thái Lan đe dọa làm cho chị T lâm vào tình trạng không thể chống cự để chiếm đoạt chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59G2-655.15 (qua định giá, tài sản có giá trị 28.000.000 đồng).

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng dao Thái Lan đe dọa làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Cướp tài sản" quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến bị hại theo hướng tước bỏ khả năng kháng cự của bị hại, thông qua đó xâm hại đến quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đã dùng dao nhọn là hung khí nguy hiểm để thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với bị hại nên định khung hình phạt tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, P cùng thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm đơn giản, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, nhưng các bị

cáo đã phối hợp với nhau để hoàn thành việc thực hiện tội phạm. Đánh giá tính chất, mức độ tham gia, vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án là như nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi các bị cáo đã thực hiện mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình, cần xem xét đến nhân thân, những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo để có mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[6] Các bị cáo T, P không có tiền án, tiền sự, nhưng các bị cáo đã thực hiện nhiều hành vi "Cướp tài sản" trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết tội "Cướp tài sản" theo Bản án số 206/2021/HS-ST ngày 24/5/2021. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi của mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Các bị cáo T, P đang chấp hành hình phạt của Bản án số 206/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về dân sự: Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T số tiền 29.000.000 đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra xử lý xong, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[10] *Án phí hình sự sơ thẩm:* Các bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 15 (mười lăm) năm tù của Bản án số 206/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo T. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2020.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Cướp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 14 (mười bốn) năm tù của Bản án số 206/2021/HS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo P. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi mốt) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 02 năm 2020

3. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo T, P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lương Minh Phương T số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo T, P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo T, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.450.000 (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo (02);
- Người tham gia tố tụng (01);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Công an huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Bộ phận THA hình sự (07);
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Sơn Hà